TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HS-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hữu Hưởng

Bà Hà Thị Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1993, tại: thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản C, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: Lường Văn Đ, sinh năm 1971và bà Lò Thị H, sinh năm 1974. Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1993. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án: 03 tiền án. Cụ thể:

Tại bản án số 36/2011/HS-ST ngày 29.3.2011 tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt Lường Văn T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 68/2014/HS-ST ngày 13.3.2014 Lường Văn T bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 6 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 17/2016/HS-ST ngày 28.11.2016 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 24 tháng tù giam tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo Quyết định số 62/QĐ-TA ngày 15.8.2019 của TAND thành phố Sơn La về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị can đang cai nghiện bắt buộc theo quyết định xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Lường Văn N. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1978, tại: huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản T, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: Lường Văn L (đã chết) và bà Lò Thị Ơ, sinh năm 1952. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1983 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 con, sinh năm 1999.

Tiền án: 04 tiền án. Cụ thể:

Tại bản án số 23/2004/HS-ST ngày 23.02.2004 của Tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt Lường Văn N 8 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 21/2005/HS-ST ngày 11.3.2005 của Tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 128/2007/HS-ST ngày 22.3.2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy và 06 tháng tù giam về tội trốn khỏi nơi giam.

Tại bản án số 101/2015/HS-ST ngày 28.9.2015 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt Lường Văn N 36 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23.8.2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Có mặt.

*Bị hại***:** Ông Lèo Văn B, sinh năm 1960. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02.8.2019, Lường Văn N trú tại bản T, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La đến nhà bạn là Tòng Thị M, trú tại bản H, xã M,

huyện Mường La mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Jupiter, biển kiểm soát 26H4-1763 đi chở cây chuối về chăn nuôi. Sau khi chở cây chuối về nhà N thấy bạn của N là Lường Văn T (trú tại Bản C, phường C, thành phố Sơn La) đến chơi. Khoảng 10 giờ cùng ngày N rủ T đi đến khu vực bản N, xã N, huyện Mai Sơn để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe máy Yamaha Jupiter N mượn của Tòng Thị Mai, chở N ngồi phía sau đi vào xã Mường Chùm, huyện Mường La. Trên đường đi xe máy bị hỏng nhông xích nên T và N rẽ vào quán sửa xe máy không quen biết sau đó tiếp tục điều khiển xe đi ra hướng xã N. Đến địa phận bản N, xã N, T nhìn thấy 01 xe máy WAVe biển kiểm soát 26K1-066.35 của gia đình Lèo Văn B (trú tại bản N, xã N, huyện Mai Sơn) dựng ở lề đường bên trái. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy. T đi qua khoảng 20 m thì dừng xe lại nói với N "*Chỗ kia có xe máy còn đẹp, anh em mình quay lại lấy được thì lấy đi"*. N đồng ý. Sau đó T điều khiển xe máy quay và dừng xe cách vị trí xe biển kiểm soát 26K1-066.35 khoảng 6m và bảo N ngồi trên xe chờ nếu thấy có người thì báo T. N đồng ý. T rút 02 chìa khóa ở ổ khóa điện của xe máy T điều khiển (do ổ điện của xe máy bị hỏng, khi bật mở khóa vẫn rút được chìa khóa) và đi đến vị trí chiếc xe của ông Bánh. Đến nơi thấy xe máy khóa cổ, T dùng chìa khóa thứ nhất mở khóa cổ nhưng không mở được, T dùng chìa khóa thứ 2 thì mở được khóa cổ và khóa điện. T ngồi lên đề nổ và điều khiển xe theo hướng đi xã Mường Chùm, huyện Mường La. Thấy T đã trộm cắp được xe máy và điều khiển đi nên N cũng điều khiển xe đi theo sau T rồi cả hai đi về nhà N và cất giấu chiếc xe máy trộm cắp được tại đó. Sau đó T ở lại nhà N phụ giúp công việc cho gia đình N. Sáng ngày 03.8.2019 N điều khiển xe máy biển kiểm soát 26H4-1763 trả cho Mai. Đến khoảng 10 giờ ngày 13.8.2019, T điều khiển xe máy trộm cắp được chở N đến khu vực xã T, huyện Thuận Châu tìm chỗ bán xe nhưng không bán được. T tiếp tục chở N đến khu vực xã Bó Mười, huyện Thuận Châu tìm nơi tiêu thụ.

Đối với Lèo Văn B sau khi phát hiện xe của gia đình bị mất trộm đã trình báo với Công an huyện Mai Sơn, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 13.8.2019, Công an huyện Mai Sơn triệu tập Lường Văn T, Lường Văn N đến làm việc. Tại cơ quan điều tra T và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 15.8.2019, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La ra quyết định số 62/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lường Văn T.

Ngày 15.8.2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn đã yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá tài sản đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 26K1- 066.35. Cùng ngày Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá tài sản số 732/KL-HĐ kết luận: *"xe mô tô nhãn*

hiệu Honda Wave,sơn màu xám- đen-bạc, BKS: 26B1- 066.35, đã qua sử dụng, giá trị thẩm định là 7.000.000VNĐ".

Bản cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 15.11.2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố các bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và giữ N quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lường Văn T từ 30 đến 36 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lường Văn N từ 30 đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Chấp nhận đề nghị của bị hại, yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm và chi phí sửa chữa ổ khóa xe máy mỗi bị cáo là 2.000.000VNĐ, tổng cộng là 4.000.000VNĐ.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trao trả cho Lèo Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26K1-066.35, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lèo Văn Ngọc để quản lý và sử dụng; trao trả cho chủ sở hữu Tòng Thị Mai 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 26H4-1763 để quản lý và sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ.

Bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyệnai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiến nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt, *x*ét hành vi của bị cáo Mai Xuân T thì thấy rằng: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Lèo Văn B, ngày 02.8.2019, Lường Văn T, Lường Văn N đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 26K1- 066.35 trị giá 07.000.000VNĐ.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn tố giác tội phạm; sơ đồ hiện T; phù hợp với lời khai của người bị hại; bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị can và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn, không phát sinh tình tiết mới.

Bị cáo Lường Văn T có 03 tiền án chưa được xoá án tích. Bị cáo Lường Văn N có 04 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản ngày 02.8.2019 do lỗi cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản lần này của các bị cáo thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự, nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng vì không có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và gián tiếp gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương gây bất bình trong nhân dân.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Như đã nhận định ở trên, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự nên không bị coi là tình tiết tang nặng. Vì vậy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều có tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo Lường Văn T có 03 tiền án. Cụ thể: Tại bản án số 36 ngày 29.3.2011 tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt Lường Văn T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội trộm cắp tài sản; Tại bản án số 68 ngày 13.3.2014 Lường Văn T bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 6 tháng tù giam; Tại bản án số 17 ngày 28.11.2016 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 24 tháng tù giam tội trộm cắp tài sản. Hiện tại bị cáo đang tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La quyết định xử lý vi phạm hành chính của TAND tỉnh Sơn La.

Bị cáo Lường Văn N có 04 tiền án. Cụ thể: Tại bản án số 23 ngày 23/2/2004 Tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt Lường Văn N 8 tháng tù giam vê tội trộm cắp tài sản; Tại bản án số 21 ngày 11/3/2005 Tòa án nhân dân huyện Mường La xử phạt 06 tháng tù giam; Tại bản án số 128 ngày 22/3/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy và 06 tháng tù giam về tội trốn khỏi nơi giam; Tại bản án số 101 ngày 28.9.2015 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt Lường Văn N 36 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm ở thể giản đơn, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, cụ thể: Lường Văn T là người chủ mưu khởi xướng rủ Lường Văn N cùng trộm cắp tài sản, là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là người điều khiển xe máy trộm cắp chở N đi tiêu thụ, là người thực hành tích cực trong vụ án. Lường Văn N sau khi được T rủ trộm cắp tài sản đã đồng tình ngay và là người cảnh giới cho T thực hiện hành vi phạm tội và cùng T mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Do vậy, N giữ vai trò là người giúp sức và thực hành tích cực trong vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Lường Văn T: Hiện nay, bị cáo T đang cai nghiện bắt buộc theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 62/QĐ-TA ngày 15.8.2019 của TAND thành phố Sơn La. Đối với hành vi phạm tội này, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo. Do đó, căn cứ Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính, Lường Văn T được miễn chấp hành thời gian còn lại tại quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Quyết định số: 62/QĐ-TA ngày 15.8.2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam của bản án sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên toà thấy rằng: Các bị cáo đang sống chung cùng với gia đình. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy từ lâu, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26K1-066.35, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lèo Văn Ngọc do Lường Văn T giao nộp. Qua điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của gia đình ông Lèo Văn B. Ngày 20.9.2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trao trả cho Lèo Văn B 01 xe mô tô và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lèo Văn Ngọc để quản lý và sử dụng; Đối với 01xe mô tô hiệu YAMAHA Jupiter biển kiểm soát 26H4-1763 do Tòng Thị Mai giao nộp. Đây là chiếc xe bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tôi. Tuy nhiên, qua điều tra xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của Tòng Thị Mai, khi cho N mượn xe máy Mai không biết N dùng xe vào việc phạm tội. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với Tòng Thị Mai, đồng thời trao trả cho chủ sở hữu Tòng Thị Mai 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 26H4-1763 để quản lý và sử dụng. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu tài sản là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Cần chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lèo Văn B đã nhận được tài sản bị trộm cắp, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000VNĐ bao gồm tiền chi phí đi lại và công truy tìm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại đề nghị bồi thường tiền công truy tìm và tiền sửa ổ khóa xe máy mỗi bị cáo là 2.000.000VNĐ, tổng cộng là 4.000.000VNĐ. Xét thấy, đây là chi phí hợp lý đề truy tìm và sửa chữa ổ khóa hư hỏng do hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Lò Thị Ơn là mẹ đẻ của Lường Văn N quá trình điều tra xác định sau khi T và N trộm cắp được xe máy mang về nhà N cất giấu bà Lò Thị Ơn không biết xe máy đó là do N và T trộm cắp mà có. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với Lò Thị Ơn.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Lường Văn T và Lường Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lường Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lường Văn N 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 23.8.2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trao trả cho Lèo Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26K1-066.35, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lèo Văn Ngọc để quản lý và sử dụng; trao trả cho chủ sở hữu Tòng Thị Mai 01 xe mô tô hiệu Yamaha- jupiter biển kiểm soát 26H4-1763 để quản lý và sử dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 582, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buội các bị cáo phải bồi thường tiền công truy tìm và tiền sửa ổ khóa xe máy cho bị hại, tổng cộng là 4.000.000VNĐ, chia theo phần mỗi bị cáo là 2.000.000VNĐ.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà